

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 301/2026/DS-PT

Ngày: 06/4/2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Nguyễn Ái Doan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh – Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Hữu Nghi -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 3 và ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 999/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST, ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2026/QĐ-PT ngày 08/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Hoàng N, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo ủy quyền cho anh N:

- Quang Thị Hồng Đ, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp;

- Hồ Mỹ S, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm 1983; (có mặt)

Đặng Thị T, sinh năm 1986; (có văn bản xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

**. Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn M, Đặng Thị T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn anh Ngô Hoàng N có chị Quang Thị Hồng*

Đ và chị Hồ Mỹ S đại diện trình bày:

Nguyên trước đây anh N có nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh M, chị T trả cho anh N số tiền vốn 5.100.000.000 đồng và tiền lãi là 177.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 5.277.000.000 đồng (*Năm tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng*) theo hai biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2024 và ngày 03/12/2024. Tại biên bản hòa giải theo thủ tục Hòa giải viên thì anh M và chị T cũng thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho anh N số tiền này nhưng sau đó anh M, chị T cho rằng sau thời điểm làm 02 biên nhận thì anh M, chị T đã chuyển cho anh N số tiền 6.373.153.000 đồng để trả khoản tiền 5.100.000.000 đồng là không đúng;

Vì vậy để chứng minh cho yêu cầu của anh N và cũng xác định số tiền 6.373.153.000 đồng là anh M, chị T dùng trả cho những khoản tiền còn nợ trước đó, không phải số tiền 5.100.000.000 đồng nên anh N thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định anh N cho vợ chồng anh M chị T vay tiền bắt đầu từ tháng 02/2024 đến ngày 31/12/2024 thì ngưng, tiền cho vay có 02 khoản là tiền cho vay tháng và tiền đáo hạn ngân hàng, tất cả đều thông qua chuyển khoản tại Ngân hàng N1 - chi nhánh C và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - chi nhánh S1, không có giao dịch bằng tiền mặt. Tiền cho vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Cho vay nhiều lần, sau đó hai bên tạm tính và chốt lại thành 02 biên nhận gồm biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2024 với số tiền 2.500.000.000 đồng và biên nhận ngày 03/12/2024 với số tiền 2.600.000.000 đồng nhưng sau đó hai bên vẫn còn chuyển tiền qua lại đến ngày 31/12/2024 mới ngưng.

Anh N thống nhất theo cách tính như sau: Tổng số tiền anh N chuyển cho anh M mượn từ ngày 27/02/2024 đến ngày 31/12/2024 là 50.566.199.995 đồng. Tổng số tiền anh M, chị T chuyển trả lại cho anh N, bao gồm luôn tiền lãi sẽ được trừ vào tiền vốn gốc 50.566.199.995 đồng. Theo chứng từ giao dịch Ngân hàng thì anh M, chị T chỉ chuyển trả cho anh N số tiền 42.980.489.99 đồng. Anh N cũng đồng ý khoản tiền mà anh Lê Gia T1 và anh Võ Đăng K chuyển cho anh N cũng tính chung vào khoản tiền anh M, chị T trả cho anh N. Như vậy sau khi trừ số tiền 45.780.489.997 đồng anh M, chị T trả lại vào số tiền anh N cho mượn là 50.566.199.995 đồng thì anh M, chị T còn nợ 4.785.709.998 đồng;

Trong các lần chuyển tiền giữa hai bên có khoản tiền 499.999.999 đồng phía nguyên đơn thống nhất quy tròn số tiền thành 500.000.000 đồng;

Anh N xác định không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì đối với anh Lê Gia T1 và anh Võ Đăng K;

Theo đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 25/7/2025 thì anh N yêu cầu anh M, chị T trả cho anh N số tiền gốc là 4.805.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 30/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.83%/tháng. Lãi tạm tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 25/7/2025 là 6 tháng 24 ngày 271.185.000 đồng. Yêu cầu anh M, chị T trả cho anh N tiền gốc và lãi là 5.076.185.000 đồng và yêu cầu anh M, chị T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/7/2025 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Anh Ngô Hoàng N rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu anh Nguyễn Văn M và chị Đặng Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho anh N số tiền gốc còn thiếu là 4.785.709.998 đồng và 278.049.751 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 01/8/2025 theo lãi suất 0.83%/tháng. Tổng cộng gốc và lãi là 5.063.759.749 đồng.

**. Bị đơn anh Nguyễn Văn M và chị Đặng Thị T có anh Nguyễn Thanh V đại diện trình bày:*

Trước đây giữa anh M, chị T và anh N có chuyển tiền qua lại rất nhiều lần, những lần giao dịch trước thời điểm ngày 18/11/2024 thì anh M chị T đã trả cho anh N xong nên anh V không đề cập đến. Anh M, chị T thừa nhận có vay của anh Ngô Hoàng N số tiền 5.100.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2024 và ngày 03/12/2024. Anh M, chị T có ký tên và ghi họ tên dưới mục người mượn tiền và đã nhận đủ khoản tiền này nhưng anh M, chị T đã trả cho anh N số tiền số tiền 6.373.153.000 đồng vừa có tiền gốc 5.100.000.000 đồng và tiền lãi. Trong đó, anh M, chị T có lúc chuyển khoản để trả tiền cho anh N tại Ngân hàng N1 chi nhánh C và Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - chi nhánh S1, Phòng G (có chứng từ kèm theo), có lúc thì trả bằng tiền mặt (không có giấy tờ và cũng không nhớ số tiền bao nhiêu);

Anh M1, chị T đã chuyển cho anh N số tiền 6.373.153.000 đồng sau khi trả khoản tiền 5.100.000.000 đồng thì còn dư 1.273.153.000 đồng nhưng anh M1, chị T không yêu cầu anh N trả lại số tiền này mà để hai bên tự thỏa thuận sau.

Đối với khoản tiền lãi thì anh V có ý kiến, trong trường hợp buộc anh M1, chị T có trách nhiệm trả cho anh N khoản tiền gốc và lãi phát sinh thì anh V cũng thống nhất áp dụng mức lãi suất 0.83%/tháng;

Trong các lần chuyển tiền giữa hai bên có khoản tiền 499.999.999 đồng phía bị đơn thống nhất quy tròn thành số tiền 500.000.000 đồng;

Trong thời gian giao dịch từ ngày 27/02/2024 đến ngày 16/11/2024 hàng tuần anh N cộng lại và phía anh M1, chị T đã thanh toán xong nên hai bên mới làm lại biên nhận nợ ngày 18/02/2024 và ngày 03/12/2024 với số tiền 5.100.000.000 đồng. Anh M1, chị T không đồng ý trả cho anh N số tiền 4.785.709.998 đồng và 278.049.751 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 5.063.759.749 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST, ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp đã Quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hoàng N đối với số tiền 12.425.251 đồng đã rút lại.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hoàng N.

Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Đặng Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho anh N số tiền gốc còn thiếu là 4.785.709.998 đồng và 278.049.751 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 5.063.759.749 đồng (Năm tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Đặng Thị T phải chịu 113.063.759 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Ngô Hoàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.939.000 đồng theo các biên lai thu số 0004248 ngày 25/02/2025 và biên lai số 0000826 ngày 28/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/8/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T (có văn bản xin xét xử vắng mặt) vẫn nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đưa ra nhiều căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định phù hợp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Tại phiên tòa anh M có đưa ra luận cứ, anh N có chỉ định cho anh M chuyển vào số tài khoản của chị Ninh Thị T2 với số tiền 04 tỷ đồng nhưng không cung cấp địa chỉ của chị T2 nên anh M, chị T có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T và biên nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của anh M, chị T thì anh M, chị T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, chị T có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, kháng cáo của chị T vẫn được xét vụ án theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn M và chị Đặng Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét việc chuyển khoản vay mượn tiền giữa anh Ngô Hoàng N và chị Đặng Thị T, anh Nguyễn Văn M, Hội đồng xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của đương sự: Từ ngày 27/02/2024 đến ngày 31/12/2024, anh Ngô Hoàng N và chị Đặng Thị T, anh Nguyễn Văn M đã chuyển tiền qua lại rất nhiều lần, thông qua các chứng từ giao dịch tại Ngân hàng N1 - chi nhánh C, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - chi nhánh S1, Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - chi nhánh S1 và Phòng G mà các bên cung cấp thì anh N chuyển cho anh M, chị T tổng cộng với số tiền 50.566.199.995 đồng; Anh M, chị T chuyển trả của anh N với tiền 45.780.489.997 đồng (trong đó có khoản tiền anh T1 và anh K trả thay cho anh M), số tiền chênh lệch là 4.785.709.998 đồng. Anh M, chị T chưa chuyển trả lại anh N;

Anh N nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh M, chị T trả cho anh N số tiền vốn 5.100.000.000 kèm theo chứng cứ chứng minh là hai biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2024 và ngày 03/12/2024.

Tại giai đoạn sơ thẩm, phía anh M, chị T cũng thừa nhận có vay của anh N số tiền này nhưng sau đó anh M, chị T không đồng ý trả vì cho rằng đã trả xong, còn anh N xác định số tiền 6.373.153.000 đồng dùng trả vào khoản nợ trước đó;

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ quá trình hai bên bắt đầu giao dịch cho đến khi kết thúc, xem xét tổng số tiền anh N chuyển khoản cho anh M, chị T và anh M, chị T đã chuyển khoản trả lại cho anh N là phù hợp cho quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M cho rằng: Số tiền vay 5.100.000.000 đồng theo 02 biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2024 và ngày 03/12/2024 do anh

N cung cấp thì anh M đã trả cho anh N xong với số tiền 6.373.153.000 đồng là chưa phù hợp, bởi vì:

Giữa anh Ngô Hoàng N và anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T làm biên nhận ngày 18/11/2024, biên nhận ngày 03/12/2024 thì sau đó các bên vẫn tiếp tục thực hiện giao dịch chuyển tiền qua lại đến ngày 31/12/2024 mới ngưng giao dịch;

Anh M1, chị T cho rằng số tiền 6.373.153.000 đồng dùng để trả cho khoản tiền 5.100.000.000 đồng là không phù hợp vì theo văn bản ý kiến ngày 25/03/2025, anh M1, chị T xác định từ ngày 19/11/2024, đến ngày 03/12/2024, anh M1 chị T chuyển 6.373.153.000 đồng, trong khi ngày 18/11/2024 hai bên viết biên nhận chỉ có 2.500.000.000 đồng, đến ngày 03/12/2024 mới viết tiếp biên nhận số tiền 2.600.000.000 đồng thì chưa có căn cứ đến ngày 03/12/2024 anh M1, chị T đã chuyển trả cho anh N số tiền trên 6.000.000.000 đồng (chỉ tạm tính đến ngày 03/12/2024);

Từ ngày 27/02/2024 đến ngày 31/12/2024, hai bên đã chuyển tiền qua lại rất nhiều lần, thông qua các chứng từ giao dịch tại Ngân hàng N1 chi nhánh C, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - chi nhánh S1, Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - chi nhánh S1, Phòng G mà các bên cung cấp thì anh N chuyển cho anh M1, chị T tổng cộng với số tiền 50.566.199.995 đồng, trong khi anh M1, chị T chỉ chuyển trả có số tiền 45.780.489.997 đồng (trong đó có khoản tiền anh T1 và anh K trả thay cho anh M1), vừa có tiền gốc và lãi nhưng phía anh N cũng thống nhất trừ vào tiền gốc nên anh M1, chị T còn nợ lại 4.785.709.998 đồng tiền gốc;

Anh N gửi đơn yêu cầu thì tại giai đoạn hòa giải theo thủ tục hòa giải viên, chính anh M1, chị T đã viết văn bản trình bày ý kiến thừa nhận “Tôi có thiếu của anh Ngô Hoàng N số tiền 5.100.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm triệu đồng) nhưng anh N không yêu cầu tính tiền lãi”. Tại buổi hòa giải ngày 11/02/2025, anh M1, chị T cũng thống nhất trả cho anh N số tiền này.

Tại phiên tòa, anh M1 cho rằng có trả tiền mặt cho anh N nhưng lại không có làm giấy tờ nên chứng cứ này không có cơ sở chấp nhận;

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh M1, chị T trả lại số tiền còn nợ là 4.785.709.998 đồng (vốn gốc) là phù hợp với số tiền bằng hình thức chuyển khoản qua lại giữa anh N và anh M1, chị T.

[2.2]. Xét chứng cứ do bị đơn Nguyễn Văn M cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa ngày 30/3/2026, bị đơn Nguyễn Văn M có cung cấp một giấy nộp tiền của chị Đặng Thị T đã nộp vào tài khoản của chị Ninh Thị T2 với số tiền 04 tỷ đồng;

Anh Ngô Hoàng N có mặt tại phiên tòa và đại diện theo ủy quyền của anh N cũng thừa nhận tin nhắn qua “Zalo” là anh N yêu cầu anh M, chị T nộp tiền vào tài khoản của chị Ninh Thị T2;

Tuy nhiên tại phiên tòa, các đương sự không làm rõ số tiền 04 tỷ đồng mà chị T nộp vào tài khoản của chị Ninh Thị T2 và số tiền 04 tỷ đồng này chị T2 đã chuyển lại cho ai, ai là người thụ hưởng số tiền này và số tiền này đã được trừ vào số tiền 50.566.199.995 đồng là tổng số tiền anh N chuyển vào tài khoản của anh M, chị T hay chưa;

Anh Nguyễn Văn M đã cung cấp giấy chuyển tiền của chị Đặng Thị T vào tài khoản của chị Ninh Thị T2 vào ngày 12/11/2024 là khoảng thời gian các bên nhận tiền qua lại bằng hình thức chuyển khoản. Như vậy đã thể hiện, anh M, chị T có trả cho anh N 04 tỷ đồng nên nghĩa vụ chứng minh 04 tỷ đồng mà anh N yêu cầu anh M, chị T chuyển vào tài khoản của chị Ninh Thị T2 là tiền gì, ai là người thụ hưởng và căn cứ qua lại như thế nào thì anh N phải có nghĩa vụ chứng minh, có trừ vào số tiền mà hai bên đã chuyển vào tài khoản cho nhau trong tổng số tiền mà anh N đã chuyển cho anh M, chị T là 50.566.199.995 đồng;

Đại diện theo ủy quyền của anh N, cũng như anh N có mặt tại phiên tòa không chứng minh được;

Do đó cần phải trừ số tiền 04 tỷ đồng vào tổng số tiền mà anh N đã chuyển cho anh M, chị T;

Như vậy anh N chuyển cho anh M, chị T tổng cộng với số tiền 50.566.199.995 đồng; Anh M, chị T chuyển trả của anh N với tổng số tiền 45.780.489.997 đồng, số tiền chênh lệch là 4.785.709.998 đồng và phải được trừ tiếp số tiền 04 tỷ đồng theo giấy chuyển tiền của chị Đặng Thị T vào tài khoản của chị Ninh Thị T2 vào ngày 12/11/2024 nên anh M, chị T còn nợ anh N số tiền 785.709.998 đồng;

Tại tòa, anh N không chứng minh số tiền anh N yêu cầu anh M, chị T chuyển vào tài khoản của chị Ninh Thị T2 nên anh N có thể khởi kiện chị T2 bằng một vụ kiện khác;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh M, chị T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh M, chị T nên phần lãi suất được tính lại như sau:

Anh M, chị T chưa trả số tiền vốn gốc 785.709.998 đồng nên thời gian tính lãi được tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 01/8/2025 là 6 tháng 24 ngày, mức lãi suất 0.83%/tháng thành tiền là 44.505.757 đồng;

Như vậy anh Nguyễn Văn M và chị Đinh Thị T3 phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh cho anh Ngô Hoàng N là 830.215.755 đồng.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại án phí dân sự phúc thẩm cho đương sự theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp

có một phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

[5]. Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng chưa nêu hậu quả pháp lý của việc rút một phần yêu cầu khởi kiện cho nên cần bổ sung cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST, ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp;

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hoàng N.

Buộc anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho anh Ngô Hoàng N số tiền vốn gốc là 785.709.998 đồng và tiền lãi phát sinh là 44.505.757 đồng. Tổng cộng là 830.215.755 đồng (tám trăm ba mươi triệu, hai trăm mười lăm ngàn, bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hoàng N đối với số tiền 12.425.251 đồng;

Hậu quả của việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Hoàng N là được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu bị đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Đặng Thị T phải chịu 36.906.473 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Ngô Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 112.233.544 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh N đã nộp là 56.939.000 đồng theo các biên lai thu số 0004248 ngày 25/02/2025 và biên lai số 0000826 ngày 28/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp nên còn phải nộp tiếp số tiền 55.294.544 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T không phải án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà anh M, chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002338 ngày 11/9/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 06/4/2026, có mặt anh N.

***. Nơi nhận:**

- TPT-TANDTC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 8;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu